

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 20/GOCXANH/2024

I. Thông tin về thương nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH**

Địa chỉ: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam

Điện thoại: 0833 665 479

Email: thongle140297@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0312385154

- Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm ISO 22000:2018 – **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH (NHA TRANG)**:

Số chứng nhận: HA 527-23, ngày cấp: 18/03/2023, nơi cấp: VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG.

- Giấy chứng nhận Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn HACCP CODEX (CXC 1-1969), Rev 2020 -- **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH (BÌNH DƯƠNG)**: Số chứng nhận: HP 253, ngày cấp: 11/11/2023, nơi cấp: VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG.

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: KINGLY - TỔ YẾN SÁY THĂNG HOA - BÀO NGƯ'

2. Thành phần: Sợi yến tổ (47.1%), nước hầm xương gà (22.1%), hỗn hợp (bào ngư, nấm) (19.4%), chất làm dày (INS 401), chất ổn định (INS 418), hương liệu tự nhiên (yến), muối i ốt, bột tôm, bột tiêu, bột tỏi, chiết xuất nấm men.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- NSX & HSD: xem trên bao bì.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

- **Chất liệu bao bì:** Sản phẩm được đựng trực tiếp trong lọ thủy tinh hoặc đựng trong chén nhôm có nắp đậy kín, bên ngoài là hộp giấy, cuối cùng là thùng giấy carton. Bao bì đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

- **Quy cách đóng gói:** Đóng gói kín. Khối lượng tịnh: 20 g hoặc khối lượng tịnh khác theo nhu cầu thị trường.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH

Địa chỉ A: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.

Địa chỉ B: 45/3B, khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn dự thảo đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất số **TCCS 24:2024/GOCXANH**, ngày 27/07/2024.
- Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số 29/2023/TT-BYT, Thông tư hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hoà, ngày 03 tháng 10 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN


Lê Vy Vy



NỘI DUNG GHI NHÃN DỰ THẢO

Tên sản phẩm: KINGLY - TỔ YẾN SẦY THĂNG HOA - BÀO NGƯ'

Thành phần: Sò yến tổ (47.1%), nước hầm xương gà (22.1%), hỗn hợp (bào ngư, nấm) (19.4%), chất làm dày (INS 401), chất ổn định (INS 418), hương liệu tự nhiên (yến), muối i ốt, bột tôm, bột tiêu, bột tỏi, chiết xuất nấm men.

Hướng dẫn sử dụng: Cho 140 ml nước nóng (> 90°C) hoặc nước vừa đầy chén, đập nắp kín sau 3 – 4 phút, trộn đều và thưởng thức ngay.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo an toàn: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

NSX & HSD: xem trên bao bì.

Khối lượng tịnh: 20 g

Số tự công bố: 20/GOCXANH/2024

Thương nhân chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và sản xuất tại: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH

Địa chỉ A: Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam.

Địa chỉ B: 45/3B, Khu phố Hoà Long, phường Vĩnh Phú, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ nhà sản xuất xem bên cạnh NSX.

Điện thoại: 0833665479

Email: thongle140297@gmail.com

Xuất xứ: Việt Nam

Thành phần dinh dưỡng	Trên 100 g
Năng lượng	379kcal
Chất đạm	58.4 g
Carbohydrate	32.5 g
Chất béo	1.75 g
Natri	626 mg

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH	KINGLY - TỔ YÊN SÁY THĂNG HOA - BÀO NGU'	Số TCCS: TCCS 24:2024/GOCXANH
--	---	----------------------------------

1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^6
2	Coliforms	CFU/g	10^3
3	E.coli	CFU/g	10^2
4	Bacillus cereus	CFU/g	10^2
5	Staphylococcus aureus	CFU/g	10^2
6	Clostridium perfringens	CFU/g	10^2
7	Tổng số bào tử nấm men - mốc	CFU/g	10^3
8	V. parahaemolyticus	CFU/g	10^2
9	Salmonella	/25g	Không có

2. Các chỉ tiêu kim loại nặng:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/kg	0.2
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/kg	0,05
3	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,5

3. Các chỉ tiêu độc tố vi nấm:

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	GIỚI HẠN TỐI ĐA
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10

Khánh Hoà, ngày 27 tháng 07 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Lê Vy.Vy



AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-19

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Aflatoxin tổng số (B1. B2. G1. G2) (*) / Sum of Aflatoxin (B1. B2. G1. G2) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
2	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/091 (Ref. TCVN 6953:2001, TCVN 7596:2007 (ISO 16050:2003))
3	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
4	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
5	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)
6	Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)
7	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 975.55
8	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)
9	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	AOAC 980.31
10	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)
11	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 10)	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)
12	Salmonella spp. (*) / Salmonella spp. (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 3/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-19

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOQ = 0.01)	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
14	Vibrio parahaemolyticus (*) / Vibrio parahaemolyticus (*)	Không phát hiện/ Not Detected	/25g	ISO 21872-1:2017

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 1/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-31

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI GÓC XANH
Địa chỉ/ Client's Address : Thôn Phước Sơn, Xã Phước Đồng, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 29/07/2024
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 29/07/2024 - 05/08/2024
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 05/08/2024
Thông tin mẫu/ Name of Sample : KINGLY - TÔ YẾN SẮC THẮNG HOA - BÀO NGƯ
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chén nhôm kín
Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	379	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	58.4	%	AVA-KN-PP.HL/01
3	Béo tổng (*) / Total fat (*)	1.75	%	AVA-KN-PP.HL/02
4	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	32.5	%	AVA-KN-PP.HL/04
5	Béo bão hòa (*) / Saturated Fat (*)	0.889	%	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
6	Trans fat (*) / Trans fat (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.0015)	%	AVA-KN-PP.SK/050 (Ref. ISO 11085:2015 & AOAC 996.06)
7	Cholesterol (*) / Cholesterol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 10)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/096 (Ref. AOAC 994.10)
8	Natri (Na)(*) / Sodium (Na)(*)	6259	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/014 (Ref. AOAC 985.35)
9	Xơ dinh dưỡng (*) / Total dietary fiber (*)	16.1	%	TCVN 9050:2012
10	Đường tổng (tính theo glucose) (*) / Total sugar (as glucose) (*)	0.696	%	AVA-KN-PP.HL/03
11	Kali (K)(*) / Potassium (K)(*)	2121	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/015 (Ref. AOAC 985.35)
12	Canxi (Ca) (*) / Calcium (Ca) (*)	19566	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/016





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-31

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Sắt (Fe) / Iron (Fe)	32.0	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072
14	Vitamin D (D2 + D3) / Vitamin D (D2 + D3)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	mg/kg	AVA-KN-PP.SK/061

Chú thích/ Remarks:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.





KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-31

Nutrition Facts	
servings per container	
Serving size	100g
Amount per serving	
Calories	380
% Daily value*	
Total Fat 2g	2%
Saturated Fat 1g	4%
Trans Fat 0g	
Cholesterol 0mg	0%
Sodium 630mg	27%
Total Carbohydrate 33g	12%
Dietary Fiber 16g	58%
Total Sugars less than 1g	
Protein 58g	
Vitamin D 0mcg	0%
Calcium 1960mg	150%
Iron 3.2mg	20%
Potassium 210mg	4%
* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.	

Donn





AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 4/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: AQC2240701877-31

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)			
Thành phần dinh dưỡng Nutritional ingredients	Trên 100 g In 100 g		% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu % Nutrient reference values
Năng lượng (Energy)	379	kcal	19%
Chất đạm (Protein)	58.4	g	117%
Carbohydrate	32.5	g	10%
Chất béo (Fat)	1.75	g	3%
Natri (Sodium)	626	mg	31%

% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu là tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 kcal).
Giá trị dinh dưỡng tham chiếu: Năng lượng: 2000 kcal; Chất đạm: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Đường tổng số chưa khuyến nghị;
Chất béo: 56 g trong đó chất béo bão hòa: 20 g; Natri: 2000 mg
% Nutrient reference values determine that how much a nutrient in serving of food contributes to a daily (2000 kcal diet).
Nutrient reference values: Energy: 2000 kcal; Protein: 50 g; Carbohydrate: 325 g; Total Sugars have not been recommended; Fat: 56 g including saturated Fat: 20 g; Sodium: 2000 mg

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

BÙI TÂN BÌNH

PHÓ GIÁM ĐỐC
DEPUTY DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH

